

Bản án số: 55/2018/HS-PT
Ngày 17-7-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Bình

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Thiệm

Ông Cao Văn Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai Phương – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Trương Ngọc Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 33/2018/TLPT-HS ngày 25 tháng 5 năm 2018 do có kháng cáo của bị cáo Đồng Văn T và Đỗ Văn T1 đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 07/2018/HS-ST ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện KT, thành phố Hải Phòng.

Các bị cáo có kháng cáo:

Đồng Văn T, sinh ngày 20 tháng 6 năm 1992 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn PX, xã DX, huyện KT, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 5/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông Đồng Văn Đ2 (đã chết) và bà Đặng Thị C; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

Đỗ Văn T1, sinh ngày 09 tháng 10 năm 1997 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn PX, xã DX, huyện KT, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông Đỗ Văn D và bà Đỗ Thị H1; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

Ngoài ra, còn có 04 bị cáo không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị; vắng mặt do Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tối ngày 22/7/2017, Nguyễn Văn T2 cùng các bạn là Nguyễn Thái Đ, Phan Thế H, Nguyễn Văn L, Hoàng Văn Đ1, Phạm Văn T4, Nguyễn Văn T5 ngồi ăn tối tại quán nhà anh Ngô Văn T3 ở thôn ĐX 1, xã ĐX, huyện KT, thành phố Hải Phòng thì thấy Đỗ Văn T1 điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 16P5-5741 chở Đồng Văn T và Hoàng Văn T6 đi qua quán kéo ga xe tạo tiếng nổ to. Thấy vậy, Đ lấy xe mô tô của mình chở T2 đuổi theo chặn đầu xe của T1 lại. T2 cho rằng T “nhìn đều” mình rồi xông vào đánh T, Đ cũng đá vào bụng T. T1 và T6 vào can ngăn thì T2 và Đ bỏ về quán nhà anh T3 cùng nhóm bạn, còn T1, T và T6 quay về nhà T. T gọi điện cho Nguyễn Đức C, T1 dùng điện thoại của T gọi điện cho Trần Văn B. Khi gọi điện cho C, B thì T, T1 đều thông báo việc T vừa bị T2, Đ đánh và bảo C, B đến nhà T để đi tìm T2, Đ đánh trả thù cho T. Sau đó, C đi xe mô tô biển kiểm soát 14P8-8367 đến nhà T và dùng điện thoại nhắn tin qua ứng dụng facebook báo cho Phạm Đức A biết và ở đâu T1 qua đón (khi đến nhà T, C được T1 thông báo T1 đã gọi điện cho Đức A không được nên đã nhắn tin trên facebook cho Đức A hỏi đang ở đâu sẽ qua đón, nếu Đức A trả lời thì bảo lại cho Đức A; khi T1 đi đón B thì Đức A nhắn tin lại nên C đã dùng nick mang tên T1 xem và trả lời như T1 dặn). T1 điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 16P5-5741 đi đón B về đến nhà T thì C bảo T1: Đức A vừa liên lạc lại và bảo T1 đi đón đến nhà T. Khi cả nhóm tại nhà T, T lấy 01 dao kim loại (dài khoảng 60cm, bản rộng 3cm, cán quần vải xanh) và nói cả nhóm “tí anh đánh thằng nào thì chúng mày đánh thằng đó”; T1, T6, Đức A và B đồng ý rồi mỗi người tự tìm lấy 01 đoạn gậy gỗ (dài 76cm, đường kính đầu to 4,5cm, dạng chẵn song cầu thang) cầm theo.

Sau đó, T1 điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 16P5-5741 chở T và Đức A, còn C điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 14P8-8367 chở T6 và B mang theo dao và gậy gỗ đến quán nhà anh T3 tìm T2, Đ để đánh. Khi đi đến gần quán nhà anh T3, nhóm T để 02 xe mô tô ở ngoài, T đi trước, tiếp theo là Đức A, T1, T6, B và C đi bộ vào quán nhà anh T3. T thấy T2 ngồi quay lưng ra cửa quán đang ăn với nhóm bạn, T đi đến đứng phía sau vỗ vào vai T2, T2 quay người lại nhìn thì T vung dao chém T2, T2 giơ tay trái lên đỡ thì bị T chém trúng vùng cổ mu bàn tay trái gây thương tích. T6, T1 và Đức A thấy T chém T2 nên cũng xông vào dùng gậy gỗ vụt T2, nhóm bạn của T2 đứng dậy cầm bát, đĩa, cốc ở bàn ăn ném về phía nhóm T. B và C đi sau đến cửa quán thì thấy T, T6, Đức A và T1 chạy ra nên cũng chạy ra theo. T2 và Đ chạy vào bếp nhà anh T3 mỗi người lấy 01 dao phay (dài khoảng 40cm, cán gỗ) ra cùng một số người trong quán đuổi theo nhóm T. Anh Phạm Văn L1 sinh năm 1990, ở thôn ĐX 3, xã ĐX là khách của quán thấy có đánh nhau cũng cầm 01 chiếc điều cày chạy theo nhóm T để can ngăn nhưng nhóm T, T1, T6, Đức A, B và C lên xe mô tô bỏ chạy. Trong khi đuổi theo nhóm T thì T2

gặp anh L1, do trời tối, T2 nhầm tưởng anh L1 là nhóm T nên dùng dao chém một nhát vào sau vai phải anh L1 gây thương tích. Sau đó, T2 và anh L1 được mọi người đưa đi cấp cứu. T, T1, T6, Đức A, B và C về nhà T rồi bỏ trốn.

Cùng ngày, Công an xã ĐX nhận được tin báo của quần chúng nhân dân đã đến hiện trường lập biên bản vụ việc và thu giữ 04 gậy gỗ (dài 76 cm, đường kính đầu to 4,5cm, dạng chần song cầu thang); 01 dao phay dài 33cm (cón gỗ dài 12cm, bản rộng 10cm).

Theo Kết luận giám định pháp y về thương tích số 385/2017/TgT ngày 24/7/2017 của Trung tâm pháp y Hải Phòng thì anh Nguyễn Văn T2 bị thương tích ở vùng cẳng cổ mu bàn tay trái có kích thước lớn gây đứt gân, cơ, rách bao khớp cổ tay, ảnh hưởng nhiều đến động tác gấp duỗi các ngón tay. Tỷ lệ phần trăm tổn thương, cơ thể do các thương tích trên gây nên là 13% sức khỏe. Thương tích do vật sắc tác động trực tiếp gây nên.

Đối với T bị T2 và Đ đánh trước đó, anh Phạm Văn L1 bị thương tích ở vai phải do Nguyễn Văn T2 chém nhầm gây ra, do thương tích nhẹ, T và anh L1 từ chối giám định thương tích và không có yêu cầu, đề nghị gì.

Ngày 20 và ngày 21/8/2017, Đồng Văn T, Hoàng Văn T6, Trần Văn B, Nguyễn Đức C và Đỗ Văn T1 đến Công an huyện KT đầu thú; ngày 01/12/2017, Phạm Đức A bị bắt theo quyết định truy nã của Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an huyện KT.

Tại Bản án sơ thẩm số 07/2018/HS-ST ngày 17/4/2018, Tòa án nhân dân huyện KT, thành phố Hải Phòng đã căn cứ:

Điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự 2015 và xử phạt Đồng Văn T 36 (Ba mươi sáu) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

Điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm o khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự 2015 và xử phạt Đỗ Văn T1 30 (Ba mươi) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

Ngoài ra, còn tuyên điều luật áp dụng và hình phạt đối với các bị cáo khác; bồi thường dân sự, xử lý vật chứng và nghĩa vụ nộp án phí và quyền kháng cáo Bản án.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 27/4/2018, bị cáo Đồng Văn T, Đỗ Văn T1 có đơn kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo. Tại phiên tòa, các bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo. Việc kháng cáo của các bị cáo trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết.

** Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên thể hiện như sau:*

Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá vai trò và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo Đồng Văn T, Đỗ Văn T1 và xử phạt bị cáo Đồng Văn T 36 tháng tù, bị cáo Đỗ Văn T1 30 tháng tù là thỏa đáng, không nặng.

Bị cáo T là người khởi xướng, chủ mưu nên theo Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 bị cáo thuộc trường hợp không cho hưởng án treo nên không chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo.

Bị cáo T1 có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, bị cáo có 1 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nhưng số tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo nhiều hơn; có nơi cư trú rõ ràng và không thuộc các trường hợp không cho hưởng án treo; xét thấy không cần thiết phải chấp hành hình phạt tù, bị cáo có đủ điều kiện được hưởng án treo theo Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 nên có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo T1.

Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, bị cáo T có cung cấp đơn xin giảm nhẹ hình phạt và các Bằng khen, Huân chương chiến công hạng Nhì, Ba của bố bị cáo nhưng các tình tiết này đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét và áp dụng. Bị cáo T1 không cung cấp thêm được các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo.

Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đồng Văn T – Giữ nguyên Bản án sơ thẩm đối với bị cáo T; chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Đỗ Văn T1 – Sửa Bản án hình sự sơ thẩm, giữ nguyên mức hình và cho bị cáo được hưởng án treo

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Đồng Văn T và Đỗ Văn T1 đã khai nhận hành vi phạm tội của mình, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại giai đoạn sơ thẩm, phù hợp với lời khai của các bị cáo khác, lời khai của bị hại, Kết luận giám định và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Tối ngày 22/7/2017, Nguyễn Văn T2 cùng các bạn có ngồi ăn tối tại quán nhà anh Ngô Văn T3 thì thấy Đỗ Văn T1 điều khiển xe mô tô chở Đồng Văn T và Hoàng Văn T6 đi qua quán kéo ga xe tạo tiếng nổ to. T2 có đuổi theo xe của T1 và chặn đánh T vì cho rằng T “nhìn đều” mình. Sau khi được T1, T6 vào can ngăn, T2 quay về quán nhà anh Tuấn còn T, T1, T6 về nhà T. T, T1, T6 có gọi thêm Phạm Đức A, Nguyễn Đức C, Trần Văn B đến. Tại nhà T, T có lấy 1 thanh kim loại và nói với cả nhóm “Tí anh đánh thằng nào thì chúng mày đánh thằng đó”; mọi người đồng ý và tự tìm 1 đoạn gậy gỗ mang theo. Các bị cáo Đồng Văn T, Đỗ Văn T1, Hoàng Văn T6, Phạm Đức A, Nguyễn Đức C, Trần Văn B đã dùng 01 dao và 04 đoạn gậy gỗ tấn công (đều là những hung khí nguy hiểm), gây thương tích cho anh Nguyễn Văn T2 tại quán nhà anh Ngô Văn T3; hậu quả làm anh T2 bị tổn thương 13% sức khỏe.

Do đó, bị cáo Đồng Văn T, Đỗ Văn T1 đồng phạm với Hoàng Văn T6, Nguyễn Đức C, Phạm Đức A, Trần Văn B và bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự 2015 là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

Xét kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo của các bị cáo Đồng Văn T và Đỗ Văn T1:

- Đối với kháng cáo của bị cáo Đỗ Văn T1:

[2] Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đánh giá vai trò, nhân thân và các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo và xử phạt bị cáo Đỗ Văn T1 30 tháng tù là có phần nghiêm khắc, bởi lẽ:

[3] Trong vụ án này, bị cáo Đồng Văn T là người khởi xướng, có nói với cả nhóm “Tí anh đánh thằng nào thì chúng mày đánh thằng đó” (trong nhóm có bị cáo Đức A khi phạm tội là người dưới 18 tuổi), bị cáo C là người liên lạc qua facebook với bị cáo Đức A để hẹn đón Đức A; do đó, cũng cần phải đánh giá bị cáo T, C đã xúi giục người chưa thành niên phạm tội vi phạm tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự 2015. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm chỉ đánh giá bị cáo T1 (là người gọi và đến đón bị cáo Đức A) vi phạm tình tiết tăng nặng “Xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội” mà chưa đánh giá áp dụng tình tiết này đối với cả bị cáo T và C. Do các bị cáo Đồng Văn T và Nguyễn Văn C không bị kháng cáo, kháng nghị tăng nặng nên Hội đồng xét xử không làm xấu đi tình trạng của các bị cáo. Bên cạnh đó, bị cáo T1 mặc dù là người gọi điện thoại rủ bị cáo C nhưng cả bị cáo C và T1 đều cùng liên lạc rủ rê bị cáo Đức A nên vai trò của bị cáo C và bị cáo T1 về cơ bản là ngang nhau. Vì vậy, để đảm bảo công bằng về hình phạt giữa các bị cáo, bị cáo T1 phải chịu hình phạt ngang với bị cáo C mới thỏa đáng nên cần giảm hình phạt cho bị cáo.

[4] Bị cáo T1 phạm tội với vai trò giúp sức, nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, bị cáo có 1 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nhưng số tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo nhiều hơn; có nơi cư trú rõ ràng và không thuộc các trường hợp không cho hưởng án treo; xét thấy không cần thiết phải chấp hành hình phạt tù. Bị cáo có đủ điều kiện được hưởng án treo theo Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 nên có căn cứ chấp nhận kháng cáo, cho bị cáo được hưởng án treo thể hiện sự khoan hồng của pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo T1 và chấp nhận một phần đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Sửa Bản án sơ thẩm, giảm hình phạt và cho bị cáo T1 được hưởng án treo.

- Đối với kháng cáo của bị cáo Đồng Văn T:

[5] Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá tính chất vụ án, hành vi phạm tội, vai trò, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và không áp dụng tình tiết

tăng nặng “Phạm tội đối với người dưới 18 tuổi” đối với bị cáo Đồng Văn T nhưng xử phạt bị cáo mức án 36 tháng tù là nghiêm khắc, bởi lẽ: Bị cáo T là người trực tiếp bị hại tấn công trước, bị hại có lỗi trực tiếp với bị cáo T, bản thân bị cáo cũng bị thương tích do bị hại tấn công nhưng bị cáo từ chối giám định. Bên cạnh đó, bị cáo T có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự (bị cáo ra đầu thú, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã bồi thường cho bị hại và được bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; bố bị cáo được Nhà nước tặng thưởng Huân chương chiến công hạng Nhì, hạng Ba; Bộ quốc phòng tặng Giấy khen), hành vi phạm tội của bị cáo có mức độ, bị cáo hiện đang là lao động chính trong gia đình, hoàn C gia đình rất khó khăn được chính quyền địa phương xác nhận và với thương tích của bị hại chỉ làm tổn hại 13% sức khỏe. Tuy nhiên, bị cáo T là người khởi xướng, chủ mưu nên theo Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 bị cáo thuộc trường hợp không cho hưởng án treo nên không chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo. Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc không cho bị cáo T được hưởng án treo.

[6] Việc không áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự 2015 là thiếu sót của Tòa án cấp sơ thẩm nên cần thiết phải áp dụng tình tiết tăng nặng “Xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội” đối với bị cáo T. Mặc dù, bị cáo T có thêm 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nhưng căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân, vai trò của bị cáo thì mức án 36 tháng tù đối với bị cáo vẫn là nghiêm khắc. Do đó, cần giảm nhẹ cho bị cáo T một phần hình phạt. Việc áp dụng thêm tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự cho bị cáo T nhưng vẫn giảm hình phạt cho bị cáo vẫn đảm bảo sự công bằng với mức hình phạt của các bị cáo khác trong vụ án. Mức hình phạt của bị cáo T vẫn phải trên mức khởi điểm và cao hơn các bị cáo còn lại mới tương xứng với vai trò và hành vi phạm tội của bị cáo. Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo T: Sửa Bản án sơ thẩm và giảm hình phạt cho bị cáo. Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc giữ nguyên mức án sơ thẩm đối với bị cáo.

[7] *Về án phí*: Bị cáo Đồng Văn T, Đỗ Văn T1 không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

[8] Kiến nghị Tòa án nhân dân huyện KT, thành phố Hải Phòng cần nghiêm túc rút kinh nghiệm khi xem xét đánh giá các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo. Cụ thể, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng thiếu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự 2015 đối với bị cáo Đồng Văn T và Nguyễn Đức C.

[9] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015 đối với bị cáo Đồng Văn T: Sửa Bản án sơ thẩm - Giảm hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015 đối với bị cáo Đỗ Văn T1: Sửa Bản án sơ thẩm – Giảm mức hình phạt và cho bị cáo T1 được hưởng án treo.

2. Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm o khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự 2015 và xử phạt Đồng Văn T 30 (*Ba mươi*) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm o khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65; Điều 58 Bộ luật Hình sự 2015 và xử phạt Đỗ Văn T1 24 (*Hai mươi bốn*) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời gian thử thách là 48 (*Bốn mươi tám*) tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Đỗ Văn T1 cho Ủy ban nhân dân xã ĐX, huyện KT, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo Đỗ Văn T1 thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, bị cáo Đỗ Văn T1 cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo T1 phải chấp hành hình phạt tù của Bản án đã cho hưởng án treo.

3. Kiến nghị Tòa án nhân dân huyện KT, thành phố Hải Phòng cần nghiêm túc rút kinh nghiệm về việc áp dụng thiếu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội” quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự 2015 đối với bị cáo Đồng Văn T và Nguyễn Đức C.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Đồng Văn T, Đỗ Văn T1 không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

5. Các quyết định khác của Bản án số 07/2018/HS-ST ngày 17/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện KT, thành phố Hải Phòng có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND TPHP;
- VKSND; TAND cấp sơ thẩm;
- PV27 Công an TPHP;
- Cơ quan CSĐT sơ thẩm;
- Cơ quan THA HS sơ thẩm;
- Sở Tư pháp TP;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thanh Bình

